|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **Phụ lục 1** |

**NHU CẦU VỊ TRÍ, SỐ LƯỢNG TUYỂN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã vị trí việc làm** | **Tên Vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp cần tuyển** | **Số lượng** |
| 1 | V.05.01.03 | Công tác thống kê cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | 03 |
| 2 | V.05.01.03 | Nghiên cứu xây dựng Cơ chế chính sách và chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải đô thị và nông thôn | Nghiên cứu viên hạng III | 03 |
| 3 | V.05.01.03 | Nghiên cứu xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | 03 |
| 4 | V.05.01.03 | Công tác tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | 02 |
| 5 | V.05.01.03 | Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách | Nghiên cứu viên hạng III | 02 |
| **Tổng số** | |  | | **13** |

**Phụ lục 2**

**MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN CÁC VỊ TRÍ DỰ TUYỂN**

**I. Yêu cầu chung đối với các vị trí việc làm (VTVL)**

**1.** Về trình độ ngoại ngữ áp dụng cho các vị trí việc làm: Xác định theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2).

**2.** Về trình độ tin học áp dụng cho các vị trí: Xác định theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, cụ thể: Có văn bằng, chứng chỉ bảo đảm trình độ tin học tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên.

**II. Yêu cầu riêng đối với từng vị trí việc làm**

| **TT** | **Mã VTVL** | **Tên VTVL** | **Chức danh nghề nghiệp** | **Số lượng** | **Mô tả công việc của VTLV** | **Điều kiện về trình độ đào tạo, bồi dưỡng** | **Yêu cầu điều kiện về chuyên môn nghiệp vụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | V.05.01.03 | Công tác thống kê cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | **03** | *Rà soát, thu thập, tập hợp các chỉ tiêu của ngành GTVT (đường sắt, sông, biển, bộ, hàng không)* | - Tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực công trình, kinh tế vận tải một trong các chuyên ngành: đường sắt, sông, biển, bộ, hàng không.  - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT.  - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.  - Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III hoặc tương đương trở lên. | - Năng lực tổng hợp, báo cáo, cập nhật, nghiên cứu tài liệu, các quy định về chuyên môn, chuyên môn, nghiệp vụ.  - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, sử dụng thành thạo trang thiết bị văn phòng. |
| **2** | V.05.01.03 | Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải đô thị và nông thôn | Nghiên cứu viên hạng III | **03** | *Tham mưu nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải đô thị và nông thôn. Khảo sát, thu thập tài liệu về cơ chế, chính sách quản lý giao thông vận tải.* | - Tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực quy hoạch; công trình GTVT.  - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT.  - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.  - Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III hoặc tương đương trở lên. | - Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải đô thị và nông thôn.  - Năng lực tổng hợp, báo cáo, cập nhật, nghiên cứu tài liệu, các quy định về chuyên môn, chuyên môn, nghiệp vụ.  - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, sử dụng thành thạo trang thiết bị văn phòng. |
| **3** | V.05.01.03 | Nghiên cứu xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | **03** | *Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải*. | - Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công trình, kinh tế xây dựng GTVT.  Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT.  - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.  - Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III hoặc tương đương trở lên | - Năng lực Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.  - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, sử dụng thành thạo trang thiết bị văn phòng. |
| **4** | V.05.01.03 | Công tác tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải | Nghiên cứu viên hạng III | **02** | *Tham mưu về công tác tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải* | - Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành xây dựng công trình; kinh tế xây dựng GTVT.  - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT.  - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.  - Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III hoặc tương đương trở lên. | - Năng lực tham mưu về công tác tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải  - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, sử dụng thành thạo trang thiết bị văn phòng; |
| **5** | V.05.01.03 | Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách | Nghiên cứu viên hạng III | **02** | *Tham mưu, nghiên cứu xây dựng, cơ chế, chính sách và đánh giá hiệu quả cơ chế chính sách quản lý và phát triển GTVT* | Tốt nghiệp Đại học trở lên về các lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng, công trình  Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT.  - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.  - Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III hoặc tương đương trở lên. | - Có năng lực tham mưu, nghiên cứu xây dựng, cơ chế, chính sách và đánh giá hiệu quả cơ chế chính sách quản lý và phát triển GTVT.  - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, sử dụng thành thạo trang thiết bị văn phòng;  - Năng lực áp dụng, cập nhật, nghiên cứu tài liệu, các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ. |

**Phụ lục 3**

**MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*, ngày.... tháng.... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| *(Dán ảnh 4x6)*  *(Ảnh chụp trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm nộp phiếu đăng ký dự thi)* | **PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**  Vị trí dự tuyển(1):................................................................  ...........................................................................................  Đơn vị dự tuyển: **Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải**  **I. THÔNG TIN CÁ NHÂN** |

Họ và tên(2)  󠅒: .........................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ......................................................... Nam(3)  󠅒 □ Nữ 󠅒□

Dân tộc: ........................... Tôn giáo: ................................................................

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: ...............Ngày cấp: ....... Nơi cấp: ........... .................................................................................................................

Số điện thoại di động để báo tin: .......................... Email: ..................................

Quê quán: ............................................................................................................

Hộ khẩu thường trú: ............................................................................................

Chỗ ở hiện nay (để báo tin): ................................................................................

Tình trạng sức khoẻ: ...................., Chiều cao: .................., Cân nặng: ........... kg

Thành phần bản thân hiện nay: ...........................................................................

Trình độ văn hoá: ................................................................................................

Trình độ chuyên môn: .........................................................................................

**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mối quan hệ** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội.......)** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**III**. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ** | **Tên trường, cơ sở đào tạo** **cấp** | **Trình độ văn bằng, chứng chỉ** | **Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ** | **Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)** | **Ngành đào tạo** | **Hình thức đào tạo** | **Xếp loại bằng, chứng chỉ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm** | **Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: ..........................................................................

Miễn thi tin học do: ...............................................................................

**VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ**

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: ...................................................................

**VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN** (nếu có)

.....................................................................................................................

......................................................................................................................

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

1. Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;

2. Chữ in hoa;

3. Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ